FireAnt

CTCP TCO Holdings (HSX: TCO)

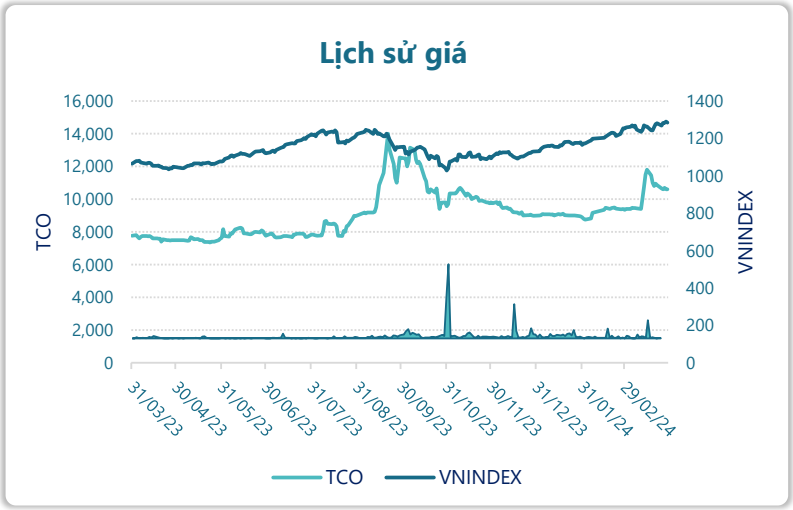

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,350
SL cổ phiếu LH	18,711,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,645
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
P/E	13.4
EPS	791

DT thuần

Q1/24

492

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 492| 119974%

YoY: ▲ 482| 4774%

LN sau thuế

Q1/24

8.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.99| 84.1%

YoY: ▲ 7.33| 520%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

30.7%

+/- YoY: ▲ 27.1%

DT thuần

2023

29.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,357| -97.9%

LN sau thuế

2023

7.18

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.9| -82.5%

ROE

2023

2.3%

+/- YoY: ▼ 12.0%

Kết quả kinh doanh

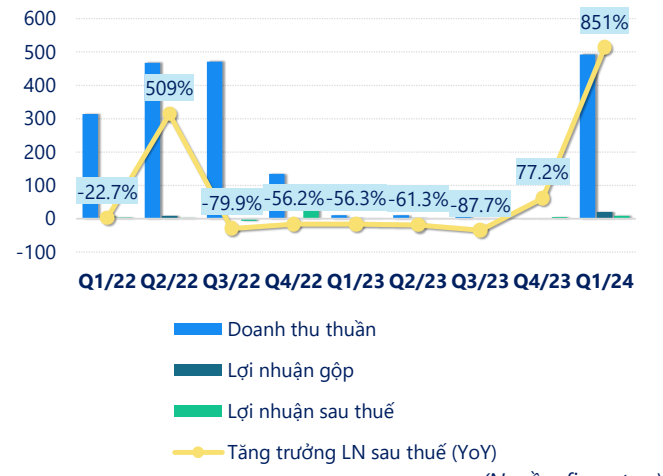

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

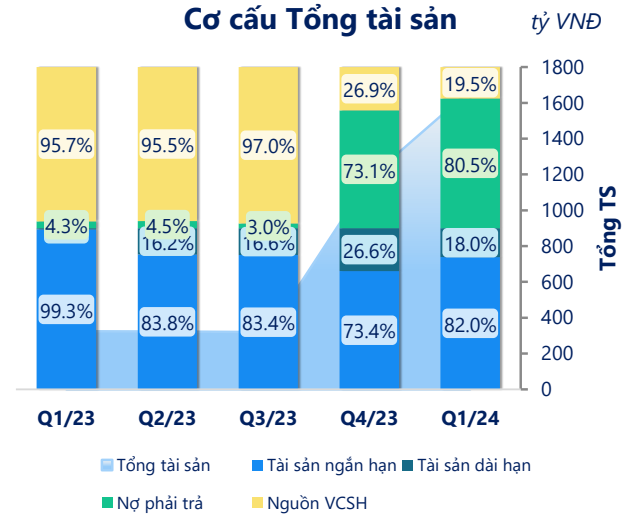

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

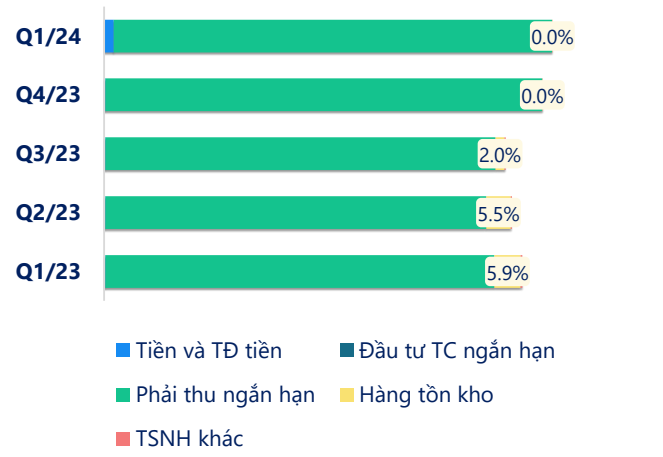

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

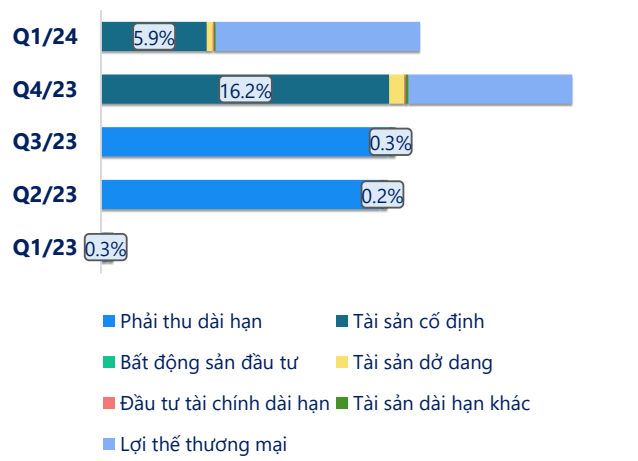

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

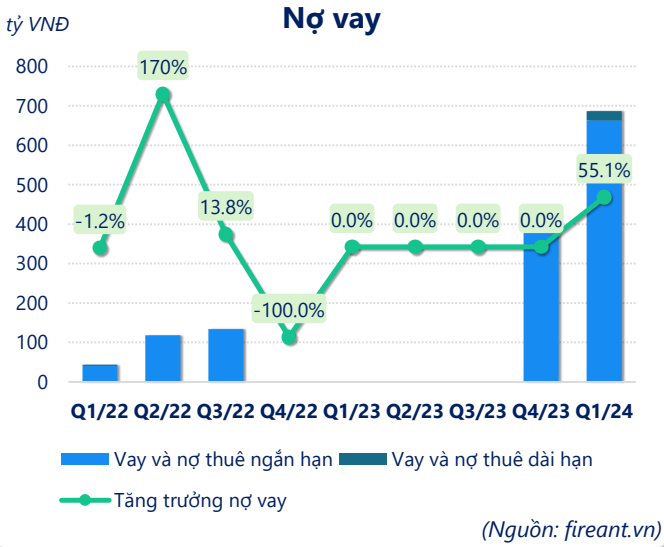

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

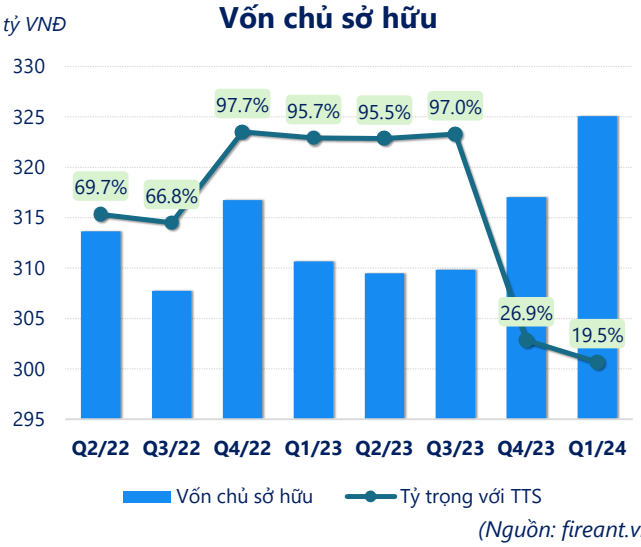

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

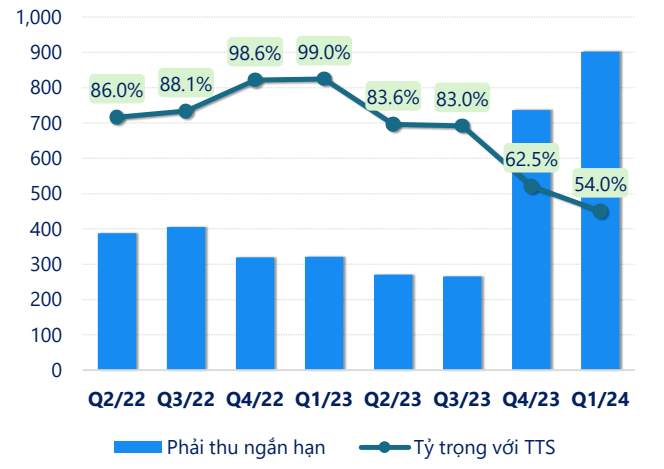

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

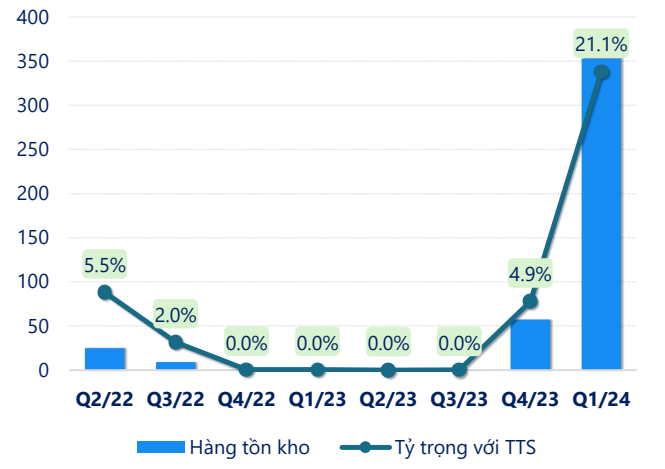

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

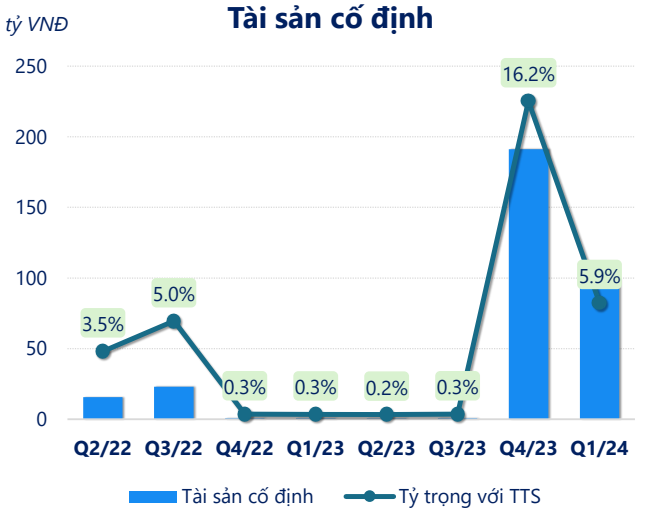

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

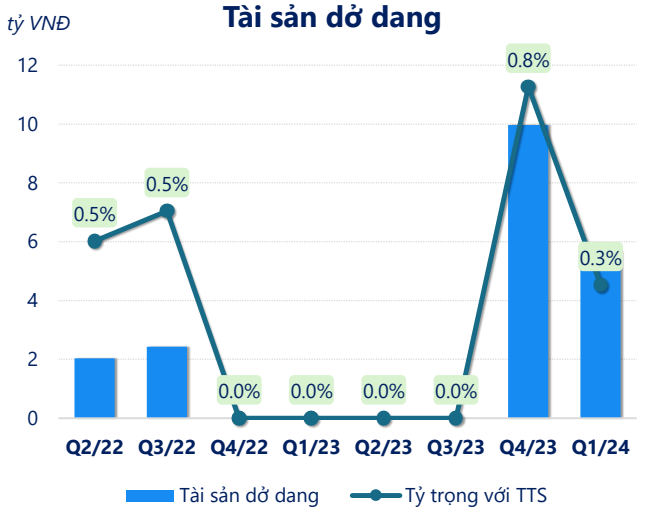

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

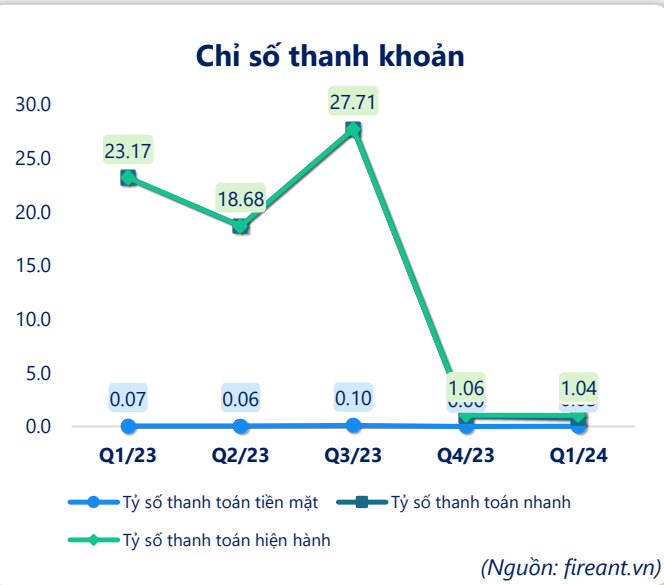

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

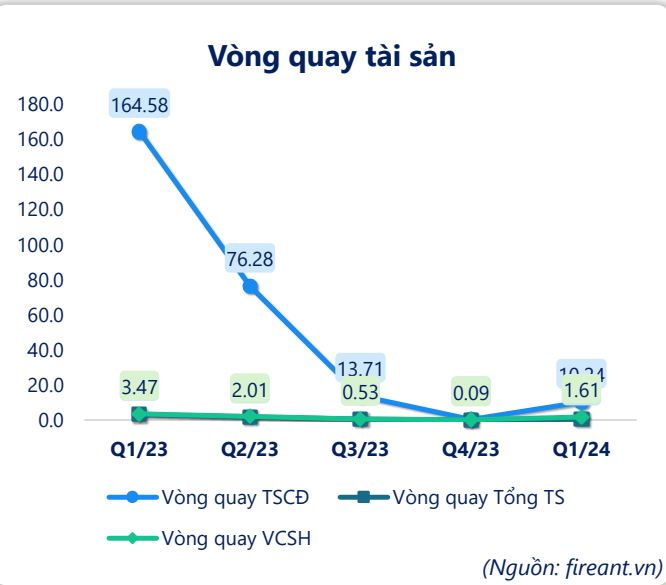

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**325**	**324**	**319**	**1,179**	**1,670**
Tài sản ngắn hạn	**322**	**272**	**266**	**865**	**1,370**
Tiền và tương đương tiền	0.95	0.86	0.95	3.73	36.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	54.9	63.9
Phải thu ngắn hạn	321	271	265	737	902
Hàng tồn kho	0.10	0	0.06	57.3	353
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.02	0.03	12.3	13.8
Tài sản dài hạn	**2.28**	**52.4**	**53.1**	**313**	**301**
Phải thu dài hạn	0.47	51.1	51.8	0.53	0.53
Tài sản cố định	0.81	0.78	0.82	191	99.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	9.96	5.68
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	1.00	1.00
Tài sản dài hạn khác	1.00	0.55	0.51	1.92	1.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	109	193
Nợ phải trả	**13.9**	**14.6**	**9.63**	**862**	**1,345**
Nợ ngắn hạn	**13.9**	**14.5**	**9.61**	**815**	**1,322**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	416	663
Phải trả người bán ngắn hạn	2.39	2.18	2.92	8.67	22.5
Nợ dài hạn	0.02	0.02	0.02	46.3	23.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	26.4	23.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**311**	**309**	**310**	**317**	**325**
Vốn chủ sở hữu	**311**	**309**	**310**	**317**	**325**
Vốn điều lệ	187	187	187	187	187
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)